

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục tài liệu sát hạch
kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3386/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục tài liệu sát hạch kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện.

(Có danh mục tài liệu ôn tập kèm theo)

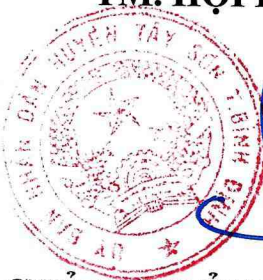
Điều 2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng Nội vụ, thủ trưởng các cơ quan có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *quanh*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND huyện;
- HĐTD viên chức;
- Ban giám sát;
- Trang TTĐT huyện (N/yết);
- Lưu: VT.

VRH

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
Phan Chí Hùng



TÀI LIỆU ÔN TẬP
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số **04**/QĐ-HĐTD, ngày **03** tháng 3 năm 2022
của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

1. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC VỊ TRÍ DỰ TUYỂN

- Hiến pháp 2013 ngày 28 tháng 11 năm 2013.
- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 năm ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 năm 2019 (các nội dung liên quan đến viên chức).
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 năm 2019 (các nội dung liên quan đến cấp huyện).
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (Phần quy định chung, tiêu chí chung và Phần áp dụng đối với viên chức).
- Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (các nội dung liên quan đến viên chức).
- Quyết định 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ.

2. PHẦN RIÊNG CHO TỪNG VỊ TRÍ DỰ TUYỂN

2.1. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao

2.1.1. Vị trí: Hướng dẫn viên Văn hóa hạng III (Văn hóa, văn nghệ, xây dựng kịch bản chương trình và tổ chức biểu diễn)

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 01/2012/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Nghị định 01/2012/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thông tư 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban

hành quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

2.1.2. *Họa sỹ hạng III (Sáng tác, trưng bày ảnh hiện vật, tư liệu; các hoạt động nhà văn hóa, câu lạc bộ)*

- Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội.

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 01/2012/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Nghị định 01/2012/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

2.1.3. *Phóng viên hạng III*

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016.

- Thông tư số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07 tháng 4 năm 2016 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức Biên tập viên, Phóng viên, Biên dịch viên và Đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

- Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.

- Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội.

2.1.4. *Chuyên viên (Xây dựng kế hoạch, tổ chức các sự kiện, hoạt động nhà văn hóa)*

- Quyết định 52/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở.

- Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

- Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ VH, TT và DL và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

2.2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp

2.2.1. Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III (Chăn nuôi và thú y; phòng chống dịch bệnh)

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015.

- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y.

- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. (Bỏ mục 6)

- Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thú y. (Bỏ mục 7)

- Thông tư Liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y (học phần mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật và kiểm soát giết mổ).

2.2.2. Khuyến nông viên hạng III (Khuyến nông, ngành nghề nông thôn)

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông.

- Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Thông tư 18/2020/TT-BNNPTNT Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng.

- Thông tư 75/2019/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

2.2.3. Chuyên viên (Hành chính tổng hợp)

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Quyết định 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ hội họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

2.2.4. Chuyên viên (Theo dõi nông thôn mới)

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung phụ lục của Quyết định 1048/QĐ-TTg.

- Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

2.3. Ban Quản lý rừng phòng hộ

2.3.1. Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (Quản lý bảo vệ rừng chuyên trách)

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 28/11/2017

Giới hạn:

+ Những quy định chung (Chương I): Điều 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9.

+ Quản lý rừng (Chương III): Điều 14, 15, 16, 17, 18, 19, 23, 27, 33, 34, 35, 36.

+ Bảo vệ rừng (Chương IV): Điều 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43.

+ Phát triển rừng (Chương V): Điều 44, 45, 47, 48, 49, 50, 51.

+ Sử dụng rừng (Chương VI): Điều 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61.

+ Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng (Chương VIII): Điều 73, 74, 76, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89.

+ Khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế về lâm nghiệp (Chương X): Điều 96.

- Văn bản hợp nhất Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp số 05/VBHN-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giới hạn:

- + Những quy định chung (Chương I): Điều 1, 2, 3.
- + Quy chế quản lý rừng (Chương II): Điều 4, 5, 7, 8, 19, 20, 21, 22, 25, 26, 27, 28, 29, 30.
- + Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng (Chương III).
- + Phòng cháy và chữa cháy rừng (Chương IV).
- + Chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng (Chương VI): Điều 87.
- Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.

Giới hạn: Nhiệm vụ, quyền hạn và bảo đảm hoạt động của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng (Chương III).

- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNN ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.

Giới hạn:

- + Những quy định chung (Chương I): Điều 1, 2, 3, 4.
- + Nội dung phương án quản lý rừng bền vững (Chương II): Điều 6, 7, 8, 9.
- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

Giới hạn: Chữa cháy rừng (Điều 3, Mục 2).

- Thông tư 18/2020/TT-BNNPTNT Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng.

2.3.2. Chuyên viên (Hành chính tổng hợp)

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.
- Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước.
- Quyết định 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ hội họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

2.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

2.4.1. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp (môn Toán)

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014

Giới hạn:

- + Quy định chung (Chương I): Điều 1, 2, 3, 4, 5.
- + Cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Chương II): Điều 10, 11, 13, 15, 17, 22, 23, 25.

+ Hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp (Chương III): Điều 32 đến 45.

+ Nhà giáo và người học (Chương V).

- Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Giới hạn:

+ Quy định chung (Chương I).

+ Chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp (Mục 1, Chương II).

+ Đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (Chương III).

- Thông tư số 03/2018/TT- BLĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

Giới hạn:

+ Quy định chung (Chương I).

+ Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III (Chương II): Điều 9.

- Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Cuốn giáo trình hoạt động nghề phổ thông, nghề làm vườn lớp 11, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2007.

2.4.2. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp (môn Sinh)

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014

Giới hạn:

+ Quy định chung (Chương I): Điều 1, 2, 3, 4, 5;

+ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Chương II): Điều 10, 11, 13, 15, 17, 22, 23, 25;

+ Hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp (Chương III): Điều 32 đến 45.

+ Nhà giáo và người học (Chương V).

- Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Giới hạn:

- + Quy định chung (Chương I).
- + Chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp (Mục 1, Chương II).
- + Đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (Chương III).
- Thông tư số 03/2018/TT- BLĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

Giới hạn:

- + Quy định chung (Chương I).
- + Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III (Chương II): Điều 9.
- Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
- Cuốn giáo trình hoạt động nghề phổ thông, nghề làm vườn lớp 11, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2007.

2.4.3. Văn thư trung cấp

- Luật lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư:

Giới hạn:

- + Chương I, Chương II, Chương III và Chương V.
- + Các Phụ lục kèm theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ.
- Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

Giới hạn: Điều 6, Điều 24.

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Giới hạn: Điều 8, Điều 26.

- Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Giới hạn: Điều 2, 3, 4, 7.

- Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ.

Giới hạn:

- + Những quy định chung (Chương I).
- + ngạch Lưu trữ viên (hạng III): Điều 5.